TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 9

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 1, 8, 6 là:

A. 70 **B.** 82 **C.** 59 **D.** 74

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 62, 55, 48, ……, 34, 27

A. 42 **B.** 41 **C.** 40 **D.** 48

Câu 3. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 32 + 17 + 27 …… 45 + 6 + 23

A. > **B.** < **C.** =

Câu 4. Ngọc gấp được 53 ngôi sao, như vậy Ngọc gấp nhiều hơn Phúc 19 ngôi sao. Phúc gấp được số ngôi sao là:

A. 72 **B.** 34 **C.** 32 **D.** 28

Câu 5. Thứ Hai tuần này là ngày 11 tháng 12. Thứ Hai tuần sau là ngày:

A. ngày 18 **B.** ngày 17 **C.** ngày 19 **D.** ngày 12

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

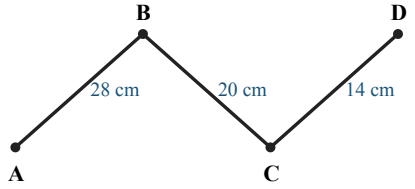

A. 48 cm **B.** 72 cm **C.** 52 cm **D.** 62 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 70 + 15 − 16 …… 12 + 28 + 29

b) 21 − 13 + 36 …… 34 + 18 − 5

c) 12 + 26 + 39 …… 76

d) 5 dm …… 54 cm

Bài 2. Tính:

a) 22 + 46 − 39 = ……

b) 42 − 18 + 14 = ……

c) 12 + 18 − 17 = ……

d) 44 l + 30 l − 14 l = …… l

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 57 + 9 = ……

b) 41 − 8 = ……

c) 66 + 26 = ……

d) 71 − 23 = ……

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

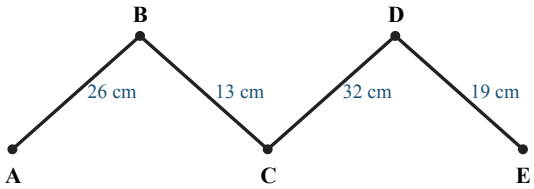

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Lớp 2A thu được 34 kg giấy vụn, lớp 2B thu được ít hơn lớp 2A 16 kg. Hỏi cả hai lớp thu được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

a) Lớp 2B thu được: …… kg

b) Cả hai lớp thu được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 9

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	B	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 69 = 69

b) 44 < 47

c) 77 > 76

d) 50 cm < 54 cm

Bài 2.

a) 22 + 46 = 68; 68 − 39 = 29

b) 42 − 18 = 24; 24 + 14 = 38

c) 12 + 18 = 30; 30 − 17 = 13

d) 44 + 30 = 74; 74 − 14 = 60

Bài 3.

a) 57 + 9 = 66

b) 41 − 8 = 33

c) 66 + 26 = 92

d) 71 − 23 = 48

Bài 4.

a) 5 giờ 15 phút

b) 8 giờ 30 phút (hay 8 giờ rưỡi)

Bài 5.

a) 26 + 13 + 32 + 19 = 90 (cm)

b) 90 cm = 9 dm

Bài 6.

Lớp 2B: 34 − 16 = 18 (kg)

Cả hai lớp: 34 + 18 = 52 (kg)